

Phụ lục
Yêu cầu báo giá phân tích kiểm nghiệm
(Đính kèm Thông báo số /TB-SATTP ngày tháng năm 2025
của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Kiểm nghiệm giám sát an toàn thực phẩm đối với Nước uống đóng chai và Nước đá dùng liền.

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Nước uống đóng chai				
1.1	Chỉ tiêu hóa học:				
	Stibi (Sb)	chỉ tiêu	200		
	Arsen, tính theo arsen tổng số/(Arsen (As), tính theo arsen tổng số	chỉ tiêu	200		
	Bari (Ba)	chỉ tiêu	200		
	Bor/ Bor(B)	chỉ tiêu	200		
	Bromat/Bromate	chỉ tiêu	200		
	Cadmi/Cadimi (Cd)	chỉ tiêu	200		
	Clor	chỉ tiêu	200		
	Clorat	chỉ tiêu	200		
	Clorit	chỉ tiêu	200		
	Crom (Cr)	chỉ tiêu	200		
	Đồng (Cu)	chỉ tiêu	200		
	Cyanid (CN-)	chỉ tiêu	200		
	Fluorid (F-).	chỉ tiêu	200		
	Chì (Pb)	chỉ tiêu	200		
	Mangan (Mn)	chỉ tiêu	200		
	Thủy ngân (Hg)	chỉ tiêu	200		
	Molybden (Mo)	chỉ tiêu	200		
	Nickel (Ni)	chỉ tiêu	200		
	Nitrat, tính theo ion nitrat /Nitrat (NO 3-), tính theo ion nitrat	chỉ tiêu	200		
	Nitrit, tính theo ion nitrit (Nitrit (NO2-), tính theo ion nitrit	chỉ tiêu	200		
	Selen (Se)	chỉ tiêu	200		
1.2	Chỉ tiêu vi sinh vật (kiểm tra lần đầu):		-		
	<i>E. coli</i> hoặc <i>coliform</i> chịu nhiệt/ <i>E. coli</i> (<i>Escherichia coli</i>) hoặc <i>coliform</i> chịu nhiệt	chỉ tiêu	200		
	<i>Coliform</i> tổng số/ <i>Coliforms</i>	chỉ tiêu	200		
	<i>Streptococci faecal</i> / <i>Streptococcus faecalis</i> / <i>Streptococci faecal</i>	chỉ tiêu	200		

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	chỉ tiêu	200		
	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	chỉ tiêu	200		
2	Nước đá dùng liền				
2.1	Chỉ tiêu hóa học:		-		
	Clor dư	chỉ tiêu	200		
2.2	Chỉ tiêu vi sinh vật (kiểm tra lần đầu):				
	<i>E. coli (Escherichia coli) hoặc coliform chịu nhiệt</i>	chỉ tiêu	200		
	<i>Coliform tổng số/Coliforms</i>	chỉ tiêu	200		
	<i>Streptococci faecal/Streptococcus faecalis/Streptococci faecal</i>	chỉ tiêu	200		
	<i>Pseudomonas aeruginosa/P.aeruginosa</i>	chỉ tiêu	200		
	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	chỉ tiêu	200		

2. Kiểm nghiệm giám sát an toàn thực phẩm đối với Sản phẩm dinh dưỡng chế biến từ ngũ cốc cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi.

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Năng lượng	chỉ tiêu	300		
2	Hàm lượng thành phần dinh dưỡng:				
	Protein	chỉ tiêu	300		
	Lipid	chỉ tiêu	300		
	Carbohydrat	chỉ tiêu	300		
	Vitamin A	chỉ tiêu	300		
	Vitamin D	chỉ tiêu	300		
	Vitamin B1	chỉ tiêu	300		
3	Chất khoáng:		-		
	Natri	chỉ tiêu	300		
	Calci	chỉ tiêu	300		
4	Độc tố vi nấm		-		
	Aflatoxin B1	chỉ tiêu	300		
	Ochratoxin A	chỉ tiêu	300		
	Deoxynivalenol	chỉ tiêu	300		
	Zearalenone	chỉ tiêu	300		
5	Chỉ tiêu Melamin	chỉ tiêu	300		
6	Chỉ tiêu vi sinh vật (kiểm tra lần đầu):		-		
	<i>Salmonella</i>	chỉ tiêu	300		

3. Kiểm nghiệm giám sát an toàn thực phẩm đối với Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 tháng đến 36 tháng tuổi .

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Năng lượng		350		
2	Thành phần dinh dưỡng:		-		
	Hàm lượng protein	chỉ tiêu	350		
	Hàm lượng lipid	chỉ tiêu	350		
	Hàm lượng carbohydrat	chỉ tiêu	350		
	Vitamin A	chỉ tiêu	350		
	Vitamin D	chỉ tiêu	350		
	Vitamin E (các hợp chất α - tocopherol)	chỉ tiêu	350		
	Vitamin C (acid ascorbic)	chỉ tiêu	350		
	Vitamin B1 (thiamin)	chỉ tiêu	350		
	Vitamin B2 (riboflavin)	chỉ tiêu	350		
	Nicotinamid	chỉ tiêu	350		
	Vitamin B6	chỉ tiêu	350		
	Acid folic	chỉ tiêu	350		
	Acid pantothenic	chỉ tiêu	350		
	Vitamin B12	chỉ tiêu	350		
	Vitamin K1	chỉ tiêu	350		
	Vitamin H (Biotin)	chỉ tiêu	350		
3	Chất khoáng:		-		
	Natri	chỉ tiêu	350		
	Kali	chỉ tiêu	350		
	Clorid	chỉ tiêu	350		
	Calci	chỉ tiêu	350		
	Phospho	chỉ tiêu	350		
	Tỉ lệ calci/phospho	chỉ tiêu	350		
	Magnesi	chỉ tiêu	350		
	Sắt	chỉ tiêu	350		
	Iod	chỉ tiêu	350		
	Kẽm	chỉ tiêu	350		
4	Chỉ tiêu Melamin	chỉ tiêu	350		
5	Kim loại nặng:		-		
	Chì (Pb)	chỉ tiêu	350		
6	Độc tố vi nấm:		-		
	Aflatoxin M1	chỉ tiêu	350		
	Ochratoxin A	chỉ tiêu	350		
	Patulin	chỉ tiêu	350		

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Deoxynivalenol	chỉ tiêu	350		
	Zearalenone	chỉ tiêu	350		
	Fumonisin tổng số/Fumonisin	chỉ tiêu	350		
7	Chỉ tiêu vi sinh vật (kiểm tra lần đầu):		-		
	<i>Salmonella</i>	chỉ tiêu	350		

4. Kiểm nghiệm giám sát an toàn thực phẩm đối với sữa đặc.

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Kim loại nặng:		-		-
	Chì (Pb)	chỉ tiêu	300		
	Thiếc (Sn)	chỉ tiêu	300		
2	Kiểm nghiệm dư lượng thuốc thú y phải có các chỉ tiêu sau:		-		
	Benzylpenicilin/Procain benzylpenicilin	chỉ tiêu	300		
	Clortetracyclin/Oxytetracyclin / Tetracyclin	chỉ tiêu	300		
	Dihydrostreptomycin/Streptomycin	chỉ tiêu	300		
	Gentamicin	chỉ tiêu	300		
	Spiramycin	chỉ tiêu	300		
3	Kiểm nghiệm dư lượng thuốc BVTV phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	300		
	Endosulfan				
	Aldrin và dieldrin				
	Cyfluthrin				
	DDT				
4	Chỉ tiêu vi sinh vật (kiểm tra lần đầu):				
	<i>Enterobacteriaceae</i>	chỉ tiêu	300		
	<i>Listeria monocytogenes</i> /L. <i>monocytogenes</i> (đối với sản phẩm dùng ngay)	chỉ tiêu	300		
5	Độc tố vi nấm:		-		
	Aflatoxin M1	chỉ tiêu	300		

5. Kiểm nghiệm giám sát an toàn thực phẩm đối với các Sản phẩm từ Bột, Tinh bột.

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Bún tươi				
1.1	Chỉ tiêu hóa học:		-		-
	Tinopal	chỉ tiêu	300		
1.2	Độc tố vi nấm:		-		
	Ochratoxin A	chỉ tiêu	300		
	Aflatoxin tổng số	chỉ tiêu	300		
2	Bánh phở tươi				
2.1	Chỉ tiêu hóa học:		-		
	Formol (Formaldehyd/Formaldehyde)	chỉ tiêu	300		
2.2	Độc tố vi nấm:		-		
	Ochratoxin A	chỉ tiêu	300		
	Aflatoxin tổng số	chỉ tiêu	300		
3	Hủ tiếu tươi				
3.1	Chỉ tiêu hóa học:		-		
	Natri benzoate (Sodium benzoate)	chỉ tiêu	300		
3.2	Độc tố vi nấm:		-		
	Ochratoxin A	chỉ tiêu	300		
	Aflatoxin tổng số	chỉ tiêu	300		
4	Mì sợi tươi				
4.1	Chỉ tiêu hóa học:		-		
	Natri benzoate (Sodium benzoate)	chỉ tiêu	300		
	Hàn The (Natri borate/ Axit boric)	chỉ tiêu	300		
4.2	Độc tố vi nấm:		-		
	Ochratoxin A	chỉ tiêu	300		
	Aflatoxin tổng số	chỉ tiêu	300		

6. Kiểm nghiệm giám sát an toàn thực phẩm đối với Thịt và các sản phẩm từ thịt.

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Thịt heo (dạng tươi, ướp đá, giữ mát, đông lạnh (pha lọc, cắt lát))				
1.1	Chỉ tiêu hóa học:		-		-
	Cadmi/Cadimi (Cd)	chỉ tiêu	200		
	Chì (Pb)	chỉ tiêu	200		
1.2	Chất cấm:		-		
	Clenbuterol	chỉ tiêu	200		
	Ractopamine/Ractopamin	chỉ tiêu	200		

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Salbutamol	chỉ tiêu	200		
2	Thịt bò (dạng tươi, ướp đá, giữ mát, đông lạnh (pha lọc, cắt lát))				
2.1	Chỉ tiêu hóa học:		-		-
	Cadmi/Cadimi (Cd)	chỉ tiêu	100		
	Chì (Pb)	chỉ tiêu	100		
2.2	Chất cấm:		-		
	Clenbuterol	chỉ tiêu	100		
	Ractopamine/Ractopamin	chỉ tiêu	100		
	Salbutamol	chỉ tiêu	100		
3	Thịt gà (dạng tươi, ướp đá, giữ mát, đông lạnh (pha lọc, cắt lát))				
3.1	Chỉ tiêu hóa học:		-		-
	Cadmi/Cadimi (Cd)	chỉ tiêu	100		
	Chì (Pb)	chỉ tiêu	100		
3.2	Chất cấm:		-		
	Clenbuterol	chỉ tiêu	100		
	Ractopamine/Ractopamin	chỉ tiêu	100		
4	Khô gà				
4.1	Chỉ tiêu hóa học:		-		
	Cadmi/Cadimi (Cd)	chỉ tiêu	30		
	Chì (Pb)	chỉ tiêu	30		
	Natri benzoate (Sodium benzoate)	chỉ tiêu	30		
	Auramine O	chỉ tiêu	30		
4.2	Chỉ tiêu vi sinh vật (kiểm tra lần đầu):		-		
	<i>E. coli</i> / <i>Escherichia coli</i>	chỉ tiêu	30		
	<i>Salmonella</i>	chỉ tiêu	30		
5	Pate gan heo (đóng hộp)				
5.1	Chỉ tiêu hóa học:		-		
	Cadmi/Cadimi (Cd)	chỉ tiêu	30		
	Chì (Pb)	chỉ tiêu	30		
5.2	Chỉ tiêu vi sinh vật (kiểm tra lần đầu):		-		-
	<i>Salmonella</i>	chỉ tiêu	30		
	<i>Clostridium perfringens</i> / <i>Cl.perfringens</i>	chỉ tiêu	30		
	<i>Clostridium botulinums</i> / <i>Cl.botulinums</i>	chỉ tiêu	30		
6	Lạp sườn/lạp xường				
6.1	Chỉ tiêu hóa học:		-		-

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Cadmi/Cadimi (Cd)	chỉ tiêu	30		
	Chì (Pb)	chỉ tiêu	30		
	Natri benzoate (Sodium benzoate)	chỉ tiêu	30		
6.2	Chỉ tiêu vi sinh vật (kiểm tra lần đầu):		-		
	<i>Salmonella</i>	chỉ tiêu	30		
7	Giò lụa (giò chả hay chả lụa) thịt heo				
7.1	Chỉ tiêu hóa học:		-		-
	Cadmi/Cadimi (Cd)	chỉ tiêu	30		
	Chì (Pb)	chỉ tiêu	30		
	Natri benzoate (Sodium benzoate)	chỉ tiêu	30		
7.2	Chỉ tiêu vi sinh vật (kiểm tra lần đầu):		-		
	<i>Salmonella</i>	chỉ tiêu	30		
	<i>Clostridium perfringens/ Cl.perfringens</i>	chỉ tiêu	30		
	<i>Clostridium botulinums/ Cl.botulinums</i>	chỉ tiêu	30		
8	Thịt chà bông				
8.1	Chỉ tiêu hóa học:		-		-
	Cadmi/Cadimi (Cd)	chỉ tiêu	30		
	Chì (Pb)	chỉ tiêu	30		
	Natri benzoate (Sodium benzoate)	chỉ tiêu	30		
8.2	Chỉ tiêu vi sinh vật (kiểm tra lần đầu):		-		
	<i>Salmonella</i>	chỉ tiêu	30		

7. Kiểm nghiệm giám sát an toàn thực phẩm đối với Thủy sản và sản phẩm thủy sản.

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Tôm				
	Ciprofloxacin/Ciprofloxacin/ Ciprofloxacin	chỉ tiêu	60		
	Chloramphenicol	chỉ tiêu	60		
	Enrofloxacin/Enrofloxacin/En rofloxacin	chỉ tiêu	60		
	Tổng Malachite Green (Xanh Malachite/Leuco-Malachite)/ Green Malachite(Xanh	chỉ tiêu	60		

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Malachite)				
2	Cá kèo				
	Ciprofloxacin/Ciprofloxacin/ Ciprofloxacin	chỉ tiêu	60		
	Chloramphenicol	chỉ tiêu	60		
	Enrofloxacin/Enrofloxacin/ Enrofloxacin	chỉ tiêu	60		
	Tổng Malachite Green (Xanh Malachite/Leuco-Malachite)/ Green Malachite(Xanh Malachite)	chỉ tiêu	60		
3	Cá lóc				
	Ciprofloxacin/Ciprofloxacin/ Ciprofloxacin	chỉ tiêu	60		
	Chloramphenicol	chỉ tiêu	60		
	Enrofloxacin/Enrofloxacin/ Enrofloxacin	chỉ tiêu	60		
	Tổng Malachite Green (Xanh Malachite/Leuco-Malachite)/ Green Malachite(Xanh Malachite)	chỉ tiêu	60		
4	Cá trê				
	Ciprofloxacin/Ciprofloxacin/ Ciprofloxacin	chỉ tiêu	60		
	Chloramphenicol	chỉ tiêu	60		
	Enrofloxacin/Enrofloxacin/ Enrofloxacin	chỉ tiêu	60		
	Tổng Malachite Green (Xanh Malachite/Leuco-Malachite)/ Green Malachite(Xanh Malachite)	chỉ tiêu	60		
5	Cá rô				
	Ciprofloxacin/Ciprofloxacin/ Ciprofloxacin	chỉ tiêu	60		
	Chloramphenicol	chỉ tiêu	60		
	Enrofloxacin/Enrofloxacin/ Enrofloxacin	chỉ tiêu	60		
	Tổng Malachite Green (Xanh Malachite/Leuco-Malachite)/ Green Malachite(Xanh Malachite)	chỉ tiêu	60		
6	Cá diêu hồng				

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Ciprofloxacin/Ciprofloxacin/ Ciprofloxacin	chỉ tiêu	60		
	Chloramphenicol	chỉ tiêu	60		
	Enrofloxacin/Enrofloxacin/ Enrofloxacin	chỉ tiêu	60		
	Tổng Malachite Green (Xanh Malachite/Leuco-Malachite)/ Green Malachite(Xanh Malachite)	chỉ tiêu	60		
7	Cá ba sa				
	Ciprofloxacin/Ciprofloxacin/ Ciprofloxacin	chỉ tiêu	60		
	Chloramphenicol	chỉ tiêu	60		
	Enrofloxacin/Enrofloxacin/ Enrofloxacin	chỉ tiêu	60		
	Tổng Malachite Green (Xanh Malachite/Leuco-Malachite)/ Green Malachite(Xanh Malachite)	chỉ tiêu	60		
8	Ếch				
	Tổng Malachite Green (Xanh Malachite/Leuco-Malachite)/ Green Malachite(Xanh Malachite)	chỉ tiêu	60		
9	Cá tra				
	Ciprofloxacin/Ciprofloxacin/ Ciprofloxacin	chỉ tiêu	60		
	Chloramphenicol	chỉ tiêu	60		
	Enrofloxacin	chỉ tiêu	60		
	Tổng Malachite Green (Xanh Malachite)/Leuco-Malachite)	chỉ tiêu	60		
10	Lươn				
	Enrofloxacin/Enrofloxacin/ Enrofloxacin	chỉ tiêu	60		
11	Cá bạc má				
	Cadmi/Cadimi (Cd)	chỉ tiêu	60		
	Thủy ngân (Hg)	chỉ tiêu	60		
12	Cá nục				
	Cadmi/Cadimi (Cd)	chỉ tiêu	60		
	Thủy ngân (Hg)	chỉ tiêu	60		
13	Cá ngừ				
	Cadmi/Cadimi (Cd)	chỉ tiêu	60		
	Thủy ngân (Hg)	chỉ tiêu	60		

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
14	Chả cá				
	Hàn The (Natri borate/ Axit boric)	chỉ tiêu	50		
	Chì (Pb)	chỉ tiêu	50		
	Cadmi/Cadimi (Cd)	chỉ tiêu	50		
	Thủy ngân (Hg)	chỉ tiêu	50		

8. Kiểm nghiệm giám sát an toàn thực phẩm đối với Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả.

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Cà chua (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm các nhóm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
1.1	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm lân hữu cơ và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Chlorpyrifos				
	Chlorpyrifos - methyl				
	Diazinon				
	Ethoprophos				
	Malathion				
	Dimethoate				
	Azinphos-methyl				
1.2	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm carbamate và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Carbaryl				
	Carbendazim				
	Methomyl				
1.3	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm cúc tổng hợp và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Bifenthrin				
	Cyfluthrin				
	Cypermethrin				
	Permethrin				
	Deltamethrin				
	Cyhalothrin				
	Fenpropathrin				

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1.4	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm conazole và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Difenoconazole				
	Triadimefon				
	Tebuconazole				
	Penconazole				
2	Dưa leo (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm các nhóm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
2.1	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm lân hữu cơ và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Diazinon				
	Ethoprophos				
	Malathion				
	Methidathion				
2.2	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm carbamate và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Carbendazim				
	Pirimicarb				
2.3	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm cúc tổng hợp và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Permethrin				
	Cyhalothrin				
2.4	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm conazole và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Difenoconazole				
	Fenbuconazole				
	Triadimefon				
	Triadimenol				
	Tebuconazole				
	Penconazole				
3	Xà lách (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm các nhóm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
3.1	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm lân hữu cơ và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Diazinon				

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Dimethoate				
	Azinphos-methyl				
3.2	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm carbamate và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Carbendazim				
	Methomyl				
	Pirimicarb				
	Methiocarb				
3.3	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm cúc tổng hợp và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Permethrin				
3.4	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm conazole và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Difenoconazole				
	Tebuconazole				
4	Cà rốt (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm các nhóm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
4.1	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm lân hữu cơ và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Chlorpyrifos				
	Diazinon				
4.2	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm carbamate và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Carbendazim				
4.3	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm cúc tổng hợp và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Permethrin				
	Cyhalothrin				
4.4	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm conazole và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Difenoconazole				
	Tebuconazole				

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
5	Đậu Cove (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm các nhóm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
	Diazinon	chỉ tiêu	40		
6	Bắp cải (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm các nhóm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
6.1	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm lân hữu cơ và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Chlorpyrifos				
	Diazinon				
	Malathion				
	Methidathion				
	Dimethoate				
	Azinphos-methyl				
6.2	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm carbamate và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Carbaryl				
	Pirimicarb				
	Methiocarb				
6.3	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm cúc tổng hợp và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Bifenthrin				
	Cyfluthrin				
	Methiocarb				
	Permethrin				
	Cyhalothrin				
6.4	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm conazole và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Difenoconazole				
	Tebuconazole				
7	Bông lơ xanh (cải bông xanh) (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm các nhóm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
7.1	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm lân hữu cơ và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Chlorpyrifos				

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Diazinon				
	Azinphos-methyl				
7.2	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm carbamate và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Carbaryl				
7.3	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm cúc tổng hợp và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Permethrin				
7.4	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm conazole và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Tebuconazole		-		-
8	Bông lơ (cải bông) (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm các dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
8.1	Azinphos-methyl	chỉ tiêu	40		
8.2	Pirimicarb	chỉ tiêu	40		
8.3	Bifenthrin	chỉ tiêu	40		
8.4	Difenoconazole	chỉ tiêu	40		
9	Cần tây (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
9.1	Dimethoate	chỉ tiêu	40		
9.2	Permethrin	chỉ tiêu	40		
9.3	Difenoconazole	chỉ tiêu	40		
10	Rau ăn lá (Kiểm nghiệm 30 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
10.1	Cypermethrins	chỉ tiêu	40		
10.2	Deltamethrin	chỉ tiêu	40		
11	Bầu (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
11.1	Bifenazate	chỉ tiêu	40		
11.2	Acetamiprid	chỉ tiêu	40		
11.3	Azoxystrobin	chỉ tiêu	40		
11.4	Chlorantraniliprole	chỉ tiêu	40		
12	Bí (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
12.1	Bifenazate	chỉ tiêu	40		

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
12.2	Acetamiprid	chỉ tiêu	40		
12.3	Azoxystrobin	chỉ tiêu	40		
12.4	Chlorantraniliprole	chỉ tiêu	40		
13	Khoai tây (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
13.1	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm lân hữu cơ và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Azinphos-Methyl				
	Chlorpyrifos;				
	Chlorpyrifos-Methyl				
	Diazinon				
	Dimethoate				
13.2	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm cúc tổng hợp và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Cyfluthrin				
	Deltamethrin				
13.3	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm conazole và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Difenoconazole				
14	Giá đỗ (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
14.1	Cytokinin (Zeatin);	chỉ tiêu	50		
14.2	6-Benzylaminopurine	chỉ tiêu	50		
15	Cam (Việt Nam) (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm các nhóm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
15.1	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm lân hữu cơ và phải có các chỉ tiêu sau	chỉ tiêu	40		
	Chlorpyrifos				
	Chlorpyrifos - methyl				
	Malathion				
	Methidathion				
	Dimethoate				
	Azinphos-methyl				
15.2	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm carbamate và phải có các chỉ tiêu sau	chỉ tiêu	40		

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Carbaryl				
	Carbendazim				
	Methomyl				
	Pirimicarb				
	Aldicarb				
	Carbofuran				
15.3	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm cúc tổng hợp	chỉ tiêu	40		
	Bifenthrin				
	Cyfluthrin				
	Cypermethrin				
	Permethrin				
	Deltamethrin				
	Cyhalothrin				
15.4	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm conazole	chỉ tiêu	40		
	Difenoconazole				
	Fenbuconazole				
	Thiabendazole				
16	Cam (nhập khẩu) (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm các nhóm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
16.1	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm lân hữu cơ và phải có các chỉ tiêu sau	chỉ tiêu	40		
	Chlorpyrifos				
	Chlorpyrifos - methyl				
	Malathion				
	Methidathion				
	Dimethoate				
	Azinphos-methyl				
16.2	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm carbamate và phải có các chỉ tiêu sau	chỉ tiêu	40		
	Carbaryl				
	Carbendazim				
	Methomyl				
	Pirimicarb				
	Aldicarb				
	Carbofuran				

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
16.3	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm cúc tổng hợp và phải có các chỉ tiêu sau:	chỉ tiêu	40		
	Bifenthrin				
	Cyfluthrin				
	Cypermethrin				
	Permethrin				
	Deltamethrin				
	Cyhalothrin				
16.4	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm conazole và phải có các chỉ tiêu sau	chỉ tiêu	40		
	Difenoconazole				
	Fenbuconazole				
	Thiabendazole				
17	Nho (nhập khẩu) (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm các nhóm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
17.1	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm lân hữu cơ và phải có các chỉ tiêu sau	chỉ tiêu	40		
	Chlorpyrifos				
	Chlorpyrifos - methyl				
	Malathion				
	Methidathion				
	Azinphos-methyl				
17.2	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm carbamate và phải có các chỉ tiêu sau	chỉ tiêu	40		
	Carbendazim				
	Methomyl				
	Aldicarb				
17.3	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm cúc tổng hợp	chỉ tiêu	40		
	Cypermethrin				
	Permethrin				
	Deltamethrin				
17.4	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm conazole	chỉ tiêu	40		
	Difenoconazole				

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Fenbuconazole				
	Triadimefon				
	Triadimenol				
	Tebuconazole				
18	Táo (nhập khẩu) (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm các nhóm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
18.1	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm lân hữu cơ	chỉ tiêu	40		
	Diazinon				
	Malathion				
	Methidathion				
18.2	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm carbamate	chỉ tiêu	40		
	Carbendazim				
18.3	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm cúc tổng hợp	chỉ tiêu	40		
	Cyfluthrin				
	Permethrin				
18.4	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm conazole	chỉ tiêu	40		
	Triadimefon				
	Triadimenol				
	Tebuconazole				
19	Lê (Nhập khẩu) (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm các nhóm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
19.1	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm clo hữu cơ và phải có các chỉ tiêu sau	chỉ tiêu	40		
	Azinphos-Methyl				
	Dimethoate				
	Methidation				
19.2	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm carbamate và phải có các chỉ tiêu sau	chỉ tiêu	40		
	Methomyl				
19.3	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm cúc tổng hợp và phải có các chỉ tiêu sau	chỉ tiêu	40		

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Cyfluthrin				
20	Xoài (Việt Nam) (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm các nhóm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
20.1	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm clo hữu cơ và phải có các chỉ tiêu sau	chỉ tiêu	40		
	Endosulfan				
20.2	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm lân hữu cơ và phải có các chỉ tiêu sau	chỉ tiêu	40		
	Dimethoate				
20.3	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm carbamate và phải có các chỉ tiêu sau	chỉ tiêu	40		
	Carbendazim				
20.4	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm cúc tổng hợp và phải có các chỉ tiêu sau	chỉ tiêu	40		
	Cyhalothrin				
	Deltamethrin				
	Cypermethrins				
20.5	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm conazole và phải có các chỉ tiêu sau	chỉ tiêu	40		
	Difenoconazole.				
21	Dứa (Việt Nam)/Khóm (Việt Nam)/Thơm (Việt Nam) (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm các nhóm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
21.1	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm clo hữu cơ và phải có các chỉ tiêu sau	chỉ tiêu	40		
	Heptachlor				
21.2	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm lân hữu cơ và phải có các chỉ tiêu sau	chỉ tiêu	40		
	Diazinon				
	Methidation				
21.3	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm carbamate và phải có các chỉ tiêu sau	chỉ tiêu	40		

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Carbendazim	chỉ tiêu			
22	Bưởi (Việt Nam) (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm các nhóm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
22.1	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ/gốc/nhóm lân hữu cơ và phải có các chỉ tiêu sau	chỉ tiêu	40		
	Malathion;				
	Profenofos				
23	Dưa hấu (Việt Nam) (Kiểm nghiệm 40 mẫu; mỗi mẫu thực hiện kiểm nghiệm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật dưới đây)				
23.1	Imidacloprid	chỉ tiêu	40		
23.2	Metalaxyl	chỉ tiêu	40		
23.3	Thiacloprid	chỉ tiêu	40		
24	Dưa cải (muối chua) đóng hộp				
24.1	Chỉ tiêu hóa học:		-		-
	Chì (Pb)	chỉ tiêu	50		
24.2	Chỉ tiêu vi sinh vật (kiểm tra lần đầu):		-		
	<i>Clostridium botulinums/Cl.botulinums</i>	chỉ tiêu	50		
25	Măng ngâm				
	Auramine O	chỉ tiêu	50		
	Hàn The (Natri borate/ Axit boric)	chỉ tiêu	50		
	Kali sorbate (Potassium sorbate)/Natri benzoate (Sodium benzoate)	chỉ tiêu	50		